

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2026/HNGĐ- ST**

Ngày 12-01-2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Bách,

2. Bà Trần Thanh Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST - HNGĐ, ngày 09/10/2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 168/2025/TB-TA ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Tr, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn ĐT, xã NT, tỉnh Lào Cai. Số định danh cá nhân: 01519900xxxx. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn Ngã Ba, xã CT, tỉnh Lào Cai. Số định danh cá nhân: 0890970xxxxx. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai Chị Đoàn Thị Tr trình bày: Chị và Anh Lê Minh T tự nguyện kết hôn ngày 19/11/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là xã CT, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn ĐT, xã NT, tỉnh Lào Cai. Đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, Anh T ngoại tình, nhiều lần về đánh đập Chị Tr. vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên, chính quyền hòa giải nhưng không thành. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T.

Về con chung: Chị Tr và Anh T có 01 con chung là Lê Minh Q, sinh ngày 14/5/20xx. Khi ly hôn Chị Tr nhận nuôi con không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Anh T không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh, Trưởng thôn Ngã Ba, xã CT cho biết: Chị Tr và Anh T kết hôn có đăng ký vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Ngã Ba, xã CT một thời gian ngắn sau đó hai vợ chồng đi làm ăn xa nên không rõ mâu thuẫn thế nào. Anh T và Chị Tr có 01 con chung là Lê Minh Q sinh ngày 14/5/20xx.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung thể hiện cháu Lê Minh Q có nguyện vọng muốn ở với mẹ là Chị Đoàn Thị Tr.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đoàn Thị Tr: Xử cho Chị Tr được ly hôn Anh Lê Minh T; về con chung: Giao cho Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Minh Q sinh ngày 14/5/20xx, Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Minh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ngã Ba, xã CT, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa Anh Lê Minh T vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Đoàn Thị Tr vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố

tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt Chị Đoàn Thị Tr và Anh Lê Minh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Tr và Anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái (hiện nay là UBND xã CT, tỉnh Lào Cai). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị Tr và Anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống Chị Tr cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, Anh Lê Minh T có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải khuyên bảo nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của Chị Tr và Anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của Chị Tr phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Minh Q sinh ngày 14/5/20xx. Sau ly hôn Chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Anh T cấp dưỡng. Cháu Lê Minh Q hiện đang sinh sống cùng Chị Tr. Anh T hiện không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao con chung cho Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đoàn Thị Tr được ly hôn Anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Đoàn Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh Q sinh ngày 14/5/20xx, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai ký hiệu BLTU/25E số: 0001155 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 4 - Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã CT (số ĐK 69/2017)
- Lưu HS.

Trần Thành Long